TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST Ngày 21 tháng 7 năm 2022	
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhất

2. Bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn NC, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn NC, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/01/2022, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã ĐL cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2007 ngày 07/12/2007. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2018, chị đi xuất khẩu lao động tại Ả Rập Xê Út, anh Đ ở nhà không lo tu trí

làm ăn, bỏ bê nhà cửa, chơi bời lêu lổng đến mức phá tán tài sản gia đình. Khi biết tin, chị đã gọi điện động viên, khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi, vì vậy chị không gửi tiền về cho anh Đ nữa nên anh Đ đã chửi bới, xúc phạm chị. Đến ngày 23/10/2021, khi hết hợp đồng lao động, chị trở về thì anh Đ viết sẵn đơn ly hôn chị, vứt bỏ quần áo của chị và không cho chị về nhà, nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sôngs chung không có hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Phạm Thành Tr, sinh ngày 18/8/2008 và cháu Phạm Quỳnh Ph, sinh ngày 10/6/2014. Do anh Đ không quan tâm đến các cháu, nên trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động các cháu phải ở với ông bà ngoại, kể từ khi chị về nước các cháu ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho cháu Tr 700.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu Ph 800.000 đồng/tháng, kể từ khi Tòa án quyết định cho ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Lê Thị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Phạm Văn Đ không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*; nơi cư trú của bị đơn tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn là anh Phạm Văn Đ không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị Th và Bản sao Trích lục kết hôn số 740/2021/TLKH-BS ngày 16/12/2021 do UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Đ là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Th, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị Th và anh Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo lời trình bày của chị Th phù hợp kết quả xác minh tại thôn Nên Cắm, xã Đồng Lương thì trong thời gian chị Th đi xuất khẩu lao động, anh Đ không tu trí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình và con cái, tụ tập rượu chè nên chị Th không gửi tiền về cho anh Đ, do đó đã làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Th cương quyết ly hôn anh Đ. Anh Đ không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh Đ không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th, quyết định cho chị Th được ly hôn anh Đ.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lê Thị Th và bản sao Giấy khai sinh cháu Tr và cháu Ph đủ cơ sở xác định: Cháu Phạm Thành Tr, sinh ngày 18/8/2008 và cháu Phạm Quỳnh Ph, sinh ngày 10/6/2014 là con chung của chị Th và anh Đ. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị Th, thấy: Từ khi chị Th đi xuất khẩu lao động, do anh Đ không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng nên cháu Tr và cháu Ph phải ở nhờ nhà bà ngoại; từ khi chị Th về nước đến nay, các cháu ở cùng chị Th, trong thời gian đó, các cháu được chăm sóc tốt về mọi mặt. Cháu Tr và cháu Ph đều có nguyện vọng được ở với chị Th. Vì vậy, nên chấp nhận nguyện vọng của chị Th, giao cháu Tr và cháu Ph cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị Th, thấy: Chị Th là người trực tiếp nuôi con, nên chị Th có quyền yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình. Xét mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng chị Th yêu cầu, thấy: Về mức cấp dưỡng, anh Đ làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định nên căn cứ mức thu nhập phổ thông bình quân và nhu cầu thiết yếu của cháu Tr và cháu Ph so với mức sống trung bình tại địa phương thì mức cấp dưỡng chị Th yêu cầu là phù hợp và anh Đ có thể đáp ứng được. Giữa chị Th và anh Đ không có thỏa thuận về phương thức cấp dưỡng, nên áp dụng phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng theo quy định tại Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, có cơ sở chấp nhận mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Th. Anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Tr 700.000 đồng/tháng; cấp dưỡng cho cháu Ph 800.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu Tr, cháu Ph đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản: Chị Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cáp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 107, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Giao các cháu Phạm Thành Tr, sinh ngày 18/8/2008 và cháu Phạm Quỳnh Ph, sinh ngày 10/6/2014 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ phải cấp dưỡng cho cháu Tr 700.000đ *(Bảy trăm nghìn đồng)*/tháng và cấp dưỡng cho cháu Ph 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)*/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu Tr, cháu Ph đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0015637 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Lê Thị Th; vắng mặt bị đơn Phạm Văn Đ. Chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**